

Bản án số: 112/2023/DS-ST
Ngày: 05/7/2023
V/v tranh chấp: “*Hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Dũng**

2. Ông **Quách Trung S**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham dự phiên tòa:* Bà **Nguyễn Võ Liên Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 116/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2023/QĐXXST-DS ngày 22/5/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Hồ Minh Đ**, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Duy S**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Anh Đ có mặt tại phiên tòa, anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hồ Minh Đ trình bày:*

- Vào ngày 24/10/2022 anh có cho bị đơn anh Trần Duy S mượn số tiền là 25.000.000 đồng, không có lãi suất, thời hạn mượn 01 tháng trả lại, nhưng đến nay anh S không trả. Nay anh yêu cầu anh S trả số tiền 25.000.000 đồng.

* *Bị đơn anh Trần Duy S không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện.*

* Tại phiên tòa, anh Đ vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên. Bị đơn vắng mặt.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn vi phạm quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho anh số tiền 25.000.000 đồng một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Phía anh R và anh H trình bày: hai anh có chứng kiến việc S hỏi mượn tiền Đ và Đ đưa S 25.000.000 đồng trước mặt anh H và anh R, nhưng việc S đã trả lại cho Đ chưa thì hai anh không rõ. Về phía bị đơn, mặc dù Tòa án đã thông báo triệu tập hợp lệ nhưng anh không có mặt, cũng không có văn bản phản đối tình tiết mà nguyên đơn cung cấp. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xem như bị đơn thừa nhận số nợ trên và nguyên đơn không cần phải chứng minh. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ: buộc anh S trả cho anh Đ số tiền 25.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh Đ kiện tranh chấp về việc cho vay tiền, đây là giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Anh Đ kiện yêu cầu anh S trả số tiền đã mượn. Xét thấy mặc dù nguyên đơn khai cho mượn tiền vì không tính tiền lãi suất. Tuy nhiên tại Điều 494 Bộ luật dân sự quy định “Hợp đồng mượn tài sản..., bên mượn phải trả lại tài sản đó khi hết thời hạn mượn...”. Như vậy theo quy định tại Điều 494 Bộ luật dân sự hợp đồng mượn tài sản bên mượn tài sản phải trả lại đúng tài sản đã mượn. Tại Điều 463 Hợp đồng vay tài sản Bộ luật dân sự quy định “Hợp đồng vay tài sản..., khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ trả lãi khi có thỏa thuận...”

Tài sản các bên giao dịch trong vụ án này là tiền và theo lời khai các bên khi giao trả thì trả tài sản cùng loại là tiền theo giá trị tương đương và không có lãi. Do vậy có căn cứ xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Anh Trần Duy S là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp pháp để dự phiên tòa xét xử việc anh Đ khởi kiện đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Theo đơn khởi kiện cũng như lời khai của anh Hồ Minh Đ là nguyên đơn trình bày: Vào ngày 24/10/2022 anh có cho bị đơn anh Trần Duy S vay số tiền là 25.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả lại tiền là 01 tháng. Đồng thời cung cấp chứng cứ là lời khai của anh Nguyễn Thanh Tuấn, sinh năm 1992 và anh Nguyễn Thanh Hùng, sinh năm 1983.

[2.1]. Về chứng cứ:

- Xét thấy theo lời khai của anh Nguyễn Thanh R, sinh năm 1992 và anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1983 tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng cùng ngày 11/4/2023 do Tòa án lập thì anh R và anh H đều xác nhận có biết và chứng kiến anh S có hỏi mượn và nhận của anh Đ số tiền là 25.000.000 đồng, còn việc anh S có trả cho anh Đ hay chưa thì hai anh không biết.

Do vậy có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi giữa anh Hồ Minh Đ với anh Trần Duy S thực tế phát sinh theo quy định tại các Điều 463, 470 Bộ luật dân sự.

Anh Trần Duy S đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết và xét xử việc anh Đ khởi kiện nhưng vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời, cũng không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc anh Đ khởi kiện, xem như anh S đã từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ cho mình theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, thời hạn trả tiền là 01 tháng kể từ ngày vay, nhưng đến nay anh S chưa trả là có lỗi vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[2.2]. Về yêu cầu khởi kiện:

Xét chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của anh Đ là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ. Buộc anh S trả cho anh Đ số tiền vốn vay là 25.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 470 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Minh Đ.

- Buộc anh Trần Duy S trả cho anh Hồ Minh Đ số tiền 25.000.000 đồng.

Kể từ ngày anh Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh S chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trần Duy S chịu 1.125.000 đồng.

- Hoàn lại anh Hồ Minh Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.000 đồng theo biên lai thu số 0011081 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Anh S được tính từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Nhịn